

# HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011- 2020

GS.TS Đỗ Đức Bình

Đại học Kinh tế Quốc dân

*Hội nhập kinh tế quốc tế (KTQT) đã và đang trở thành một xu thế tất yếu của thời đại ngày nay. Đồng thời đây cũng là cách lựa chọn của mỗi quốc gia trong quá trình cải cách, phát triển tiến lên của mình. Nhận thức rõ được xu hướng tất yếu này, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã khẳng định phải tiếp tục đổi mới, hội nhập và phát triển, phải chủ động, tích cực hội nhập KTQT sâu hơn và đầy đủ hơn với khu vực và thế giới. Tuy nhiên, hội nhập KTQT của Việt Nam vừa phải đổi mới, vừa đặt ra những yêu cầu và thách thức mới đối với ngành, các cấp, các doanh nghiệp và người dân Việt Nam buộc phải vượt qua nhằm đảm bảo phát triển bền vững của đất nước trong những năm tới. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập một số khía cạnh bất cập của hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và giải pháp thúc đẩy hội nhập nhằm đảm bảo phát triển bền vững ở Việt Nam 10 năm tới.*

## 1. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam— Những bất cập chủ yếu:

Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình, trong đó toàn cầu hóa KTQT là nhân tố khách quan xuất phát, còn hội nhập kinh tế quốc tế là hệ quả vừa mang tính khách quan, vừa mang tính chủ quan. Bởi vậy, mỗi quốc gia khi tham gia vào quá trình này không thể không cân nhắc, lựa chọn về quy mô, mức độ, phương thức và lộ trình hội nhập của mình vào khu vực và toàn cầu. Nhận thức được xu thế tất yếu này, trong 25 năm đổi mới vừa qua, qua các kỳ Đại hội Đảng, tư tưởng và chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta có những bước phát triển phù hợp với tình hình thế giới và trong nước, từ hội nhập rồi chủ động hội nhập; tích cực và chủ động hội nhập đến chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn, toàn diện và đầy đủ hơn với khu vực và thế giới.

Quán triệt các chủ trương này và thực hiện phương châm “đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế”, trong 25 năm qua Việt Nam đã tích cực tham gia vào các tổ chức, các liên kết và các định chế kinh tế quốc tế với những cấp độ khác nhau. Tính đến nay, Việt Nam đã có quan hệ buôn bán và đầu tư với 230 nước và vùng lãnh thổ. Thiết lập tốt quan hệ với tất cả các nước lớn, trong đó có 5 nước thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, các nước trong nhóm G8; trở

thành thành viên chính thức có đóng góp tích cực và có trách nhiệm với tất cả các tổ chức quốc tế quan trọng như Liên hợp quốc, WTO, APEC, ASEM, ASEAN, Cộng đồng Pháp ngữ, Ủy ban Sông Mêkông; Nâng quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc trở thành đối tác chiến lược toàn diện, gia tăng nội hàm của quan hệ đối tác chiến lược với Liên bang Nga; Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Anh, Tây Ban Nha;... Cho đến nay, Việt Nam đã ký hiệp định song phương với 90 quốc gia vùng lãnh thổ; 48 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư và hơn 40 hiệp định chống đánh thuế hai lần; đang xúc tiến đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương lần thứ 8;... Đây là những kết quả, những căn cứ quan trọng thể hiện sự thiện chí, quyết tâm và nỗ lực thực hiện của Việt Nam nhằm phát triển quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp với bối cảnh và điều kiện mới. Có thể khẳng định rằng, chính nhờ đây mạnh mẽ mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đặc biệt là trong những năm gần đây, kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh (năm 2007, xuất khẩu đạt 48,6 tỷ USD, tăng 21,9% so với năm 2006; năm 2008 xuất khẩu trên 64 tỷ USD tăng gần 30% so với năm 2007; năm 2009, xuất khẩu đạt 56,6 tỷ USD giảm 9,7% so với 2008— do khủng hoảng và suy thoái toàn cầu tác động; năm 2010, xuất khẩu đạt 71,62 tỷ USD, tăng 25,5% so với năm 2009); đầu tư trực tiếp và gián



tiếp nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục có chiều hướng gia tăng, mặc dù bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế quốc cầu. (Năm 2007, vốn FDI đăng ký đạt 21,3 tỷ USD, vốn thực hiện gần 8 tỷ USD; năm 2008, vốn FDI đăng ký trên 62 tỷ USD, thực hiện gần 11,6 tỷ USD; năm 2009, vốn FDI đăng ký trên 21 tỷ USD và thực hiện gần 9 tỷ USD; Năm 2010, vốn FDI đăng ký 17 tỷ USD, thực hiện 11 tỷ USD; Tổng số vốn ODA trong 5 năm (2006-2010) đạt trên 31 tỷ USD, tăng hơn 3 lần so với giai đoạn trước); Hợp tác giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới trong các lĩnh vực dịch vụ (điện tử, viễn thông, dầu khí,...) và các lĩnh vực khác đạt được nhiều thành tựu đáng trân trọng và chứa đựng đầy triển vọng tốt đẹp.

Bên cạnh những thành công của hội nhập và những kết quả đạt được do hội nhập mang lại, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong những năm qua gắn với phát triển bền vững đang tiếp tục nổi lên không ít bất cập. Những bất cập chủ yếu là:

**1.1. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã triển khai khá đồng loạt trên nhiều lĩnh vực (tức là trên diện rộng) và do đó, trên thực tế nhiều khi chỉ quan tâm, chú trọng mặt lượng mà coi nhẹ mặt chất của hội nhập trong phát triển.**

Điều này đã góp phần làm phá vỡ sự phát triển bền vững của quốc gia ngay cả trong hiện tại và tương lai. Chẳng hạn, trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu đối với các mặt hàng gia công, lắp ráp và khai thác tài nguyên chiếm tỷ trọng đa số. Trong khi đó, các mặt hàng chế biến sâu còn chiếm tỷ trọng khiêm tốn. Điều này, trên một mức độ nhất định đã phản ánh rằng xuất khẩu của Việt Nam còn phụ thuộc nhiều vào nguyên nhiên vật liệu, phụ liệu nhập khẩu và khai thác tài nguyên, khoáng sản trong nước,... Mỗi khi thị trường thế giới biến động, khủng hoảng thì Việt Nam gặp không ít khó khăn.

Một tình trạng khác có thể chỉ ra là trong hợp tác của Việt Nam với nước ngoài về đầu tư, trong đó có đầu tư trực tiếp. Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong hơn 20 năm qua kể từ khi có luật đầu tư nước ngoài nay là luật đầu tư chung, Việt Nam quá nhấn mạnh thu hút FDI mà không chú ý đầy đủ đến thực hiện FDI như thế nào. Do vậy, ta đã “dài thăm dò” để chào mời, lôi cuốn và thu hút các nhà đầu tư vào làm ăn tại Việt Nam mà không kèm theo điều kiện nào gắn chặt chẽ với các vấn đề xã hội và môi trường. Rốt cuộc là bên cạnh những thành công

do đầu tư nước ngoài mang lại, đã và đang nổi lên không ít những hậu quả tiêu cực về quan hệ chủ thợ; công nghệ lạc hậu; ô nhiễm môi trường,... làm phá hoại môi trường sinh thái, hoạt động sản xuất và cuộc sống bình yên của dân cư.

**1.2. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đang khẳng định hội nhập kinh tế quốc tế là bộ phận trong tổng thể: Đổi mới - Hội nhập - Phát triển, nhưng về nhận thức không ít ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân vẫn còn “thờ ơ”, nhận thức chưa đầy đủ.** Điều này được thể hiện nhiều doanh nghiệp, địa phương coi hội nhập là công việc của Bộ, ngành, của Trung ương chứ không phải của chính mình. Tình trạng này trên thực tế đã đưa đến những tổn thất, thiệt hại không nhỏ do bị các quốc gia, đối tác kinh doanh kiện, hoặc đăng ký mất thương hiệu hàng hóa,...

**1.3 Nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế chưa thật đầy đủ và vẫn có sự gò bó “về tư duy, quan điểm”.** Đổi mới tư duy vẫn chưa mang tính hệ thống, còn mang tính chấp vá. Vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, doanh nghiệp và người dân thể hiện sự “do dự”, “chậm trễ” trong đổi mới, hội nhập và do đó đã gây cản trở đối với sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập của đất nước, địa phương,... Gắn liền với tình trạng này hoặc là việc quá đề cao yếu tố bên trong, coi nhẹ yếu tố bên ngoài hoặc là việc quá đề cao yếu tố bên ngoài, coi nhẹ yếu tố bên trong. Cả hai trường hợp này đều giảm khả năng tận dụng cơ hội, gia tăng thách thức và do đó tạo ra sự phát triển thiếu bền vững.

**1.4 Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam nhìn chung yếu.** Thậm chí có một số doanh nghiệp và hàng hóa cạnh tranh rất yếu. Nguyên nhân của tình trạng này thì nhiều nhưng nguyên nhân chủ yếu là do một mặt, phần lớn các doanh nghiệp chưa thật quan tâm, chủ động, tích cực trong hội nhập, do đó không tích cực cải cách, đổi mới, không mở rộng liên kết, hợp tác trong sản xuất, kinh doanh để hướng tới phát triển bền vững, thích nghi tốt với điều kiện quốc tế luôn thay đổi; mặt khác, cơ chế, chính sách đối với các loại hình doanh nghiệp mặc dù đã có nhiều đổi mới, hoàn thiện nhưng cả về nội dung chính sách và thực thi chính sách trên thực tế vẫn chưa thực sự bình đẳng, minh bạch, gần đây vẫn có xu hướng quay trở lại áp dụng cơ chế cũ (cơ chế xin - cho), hiện tượng “ưu ái”, “nâng đỡ” vẫn dành cho các DNNN (đặc biệt là các tập đoàn kinh tế), khó khăn vẫn dồn vào các



doanh nghiệp tư nhân. Thực tế này đang làm giảm niềm tin của các doanh nghiệp, người dân vào các cơ chế, chính sách mà Nhà nước ban hành và do đó đã gây khó khăn, cản trở cho việc huy động nguồn lực và phát huy các lợi thế so sánh và cạnh tranh của quốc gia, khó có thể đảm bảo sự phát triển hài hòa, bền vững trên địa bàn quốc gia, vùng lãnh thổ.

**1.5 Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế cũng đang tồn tại không ít bất cập.** Nền kinh tế Việt Nam vẫn đang tiếp tục chuyển sang nền kinh tế thị trường và hội nhập với nền kinh tế các quốc gia trong khu vực và thế giới. Điều đó đòi hỏi sự can thiệp, quản lý của Nhà nước cũng phải tuân thủ các nguyên tắc thị trường và các cam kết kinh tế quốc tế đã ký. Nhưng cả về thể chế và hành động vẫn mang nặng dấu ấn của cơ chế cũ. Nhà nước chưa thực sự là Nhà nước pháp quyền. Không ít cơ chế chính sách chậm thay đổi, thay đổi không đồng bộ, thiếu nhất quán. Thậm chí không muốn thay đổi vì ảnh hưởng đến lợi ích cục bộ - lợi ích nhóm. Thêm vào đó, sự can thiệp, quản lý nhiều khi chỉ mang tính tình thế, không bài bản, sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành,... Công tác chỉ đạo mang tính chung chung, thiếu cụ thể. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống dân cư. Nhưng mô hình tăng trưởng lựa chọn chưa hợp lý, quá chú trọng mặt lượng, ít quan tâm đến chất lượng, hiệu quả tăng trưởng. Tăng trưởng chủ yếu dựa vào thâm dụng vốn, tài nguyên và lao động và do đó dẫn đến cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, bất ổn xã hội,... Điều này đã dẫn đến hội nhập kém hiệu quả, không tận dụng tốt thời cơ, gia tăng thách thức, tạo ra sự phát triển thiếu bền vững trên nhiều lĩnh vực.

**1.6 So với yêu cầu của hội nhập và cam kết kinh tế quốc tế, hệ thống luật pháp và chính sách của Việt Nam còn chưa tương thích phải tiếp tục hoàn thiện.** Sự bất cập này có thể khái quát bằng “9 không” sau: Không đầy đủ, không đồng bộ, không nhất quán, không ổn định, không minh bạch, không khả thi, không tiên liệu trước được, không hiệu lực và không hiệu quả.

Nguyên nhân của các bất cập trên thì nhiều, nhưng một số trong những nguyên nhân có thể đưa ra là do công tác tuyên truyền, phổ biến và nâng cao năng lực, kỹ năng... trong hội nhập kinh tế quốc tế chưa hiệu quả; Việt Nam chưa tích cực “cải cách chính mình” về mọi mặt cho tương thích với quốc tế

và Việt Nam chưa có chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế với mục tiêu và lộ trình cho từng giai đoạn, trước mắt đến 2020 và chiến lược này phải gắn kết với yêu cầu phát triển bền vững.

## **2. Một số giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở Việt Nam đến năm 2020.**

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu nhưng không vì thế mà hội nhập phải bằng mọi giá. Cần coi hội nhập là một quá trình không được phép nóng vội, chủ quan, nhưng cũng không được phép “do dự”, thụ động bỏ lỡ thời cơ, mà phải chủ động, tích cực hội nhập để tận dụng tốt nhất cơ hội, giảm bớt thách thức. Cần nhận thức rằng cơ hội và thách thức luôn chuyển hoá cho nhau. Để thúc đẩy hội nhập có hiệu quả, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững ở nước ta giai đoạn 2011 – 2020, theo chúng tôi, cần thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

### **2.1 Phải thực sự coi trọng và làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế gắn với yêu cầu phát triển bền vững**

Việc phổ biến các kiến thức này phải được tiến hành đối với cả cấp lãnh đạo, quản lý và những người tham gia trực tiếp vào quá trình này như các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý doanh nghiệp và người dân,... Bên cạnh việc phổ biến các kiến thức hội nhập, cần chú trọng hơn đến việc nâng cao năng lực, kỹ năng hội nhập cho các cán bộ làm chính sách, cán bộ quản lý kinh doanh,...

### **2.2 Tiếp tục đổi mới “có bước đột phá mới” trong nhận thức về hội nhập KTQT**

Hội nhập KTQT là động lực, phương tiện thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Hội nhập là để phát triển và phát triển là để hội nhập tốt hơn, hiệu quả hơn. Hội nhập không chỉ tạo điều kiện cho quốc gia phát triển, mà còn tạo điều kiện cho quốc gia có điều kiện, có tư cách pháp nhân tham gia vào cùng xây dựng luật chơi, kiểu chơi, cuộc chơi, sân chơi,... chung. Đồng thời, cũng tạo điều kiện cho các quốc gia liên kết với nhau để cùng đấu tranh, đàm phán với các quốc gia khác vì lợi ích chung và bình đẳng. Trong điều kiện toàn cầu hoá và hội nhập KTQT, cần nhận thức và giải quyết tốt mối quan hệ giữa yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài. Kể cả trong tư duy, nhận thức và chính sách, không nên nhấn mạnh yếu tố này, xem nhẹ yếu tố kia. Tuỳ thời điểm và điều kiện cụ thể, yếu tố này nổi trội, ưu thế hơn yếu tố kia. Trong đó, yếu tố bên ngoài “ngoại lực” là



một bộ phận hữu cơ trong nguồn lực của quốc gia trong quá trình phát triển. Nói một cách khác, không nên tách biệt nội lực và ngoại lực, mà phải kết hợp chúng thành một sức mạnh tổng thể. Nếu quan niệm phải tách biệt, tách bạch chúng thì sẽ dẫn đến quan niệm kế tiếp về hội nhập chỉ là tranh thủ cơ hội, chớp lấy thời cơ, chứ chưa phải là chủ động để vừa tranh thủ, vừa tạo ra cơ hội để phát triển bền vững.

### 2.3 Tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tối ưu các lợi thế so sánh của quốc gia trong phân công lao động và hợp tác quốc tế

Để hội nhập có hiệu quả và phát triển bền vững trong điều kiện cạnh tranh gay gắt và thế giới có nhiều biến động khó lường, Việt Nam cần kiên trì và nhất quán với mô hình kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập KTQT với những lộ trình và bước đi thích hợp dựa vào tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm chế biến, chế tạo và thu hút đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả trên cơ sở có chính sách hấp dẫn để huy động tốt sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, trên cơ sở phát huy tối ưu, hiệu quả các lợi thế so sánh của mình về nguồn lực bên trong, kết hợp tối ưu với các nguồn lực bên ngoài vào phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề bức xúc đang đặt ra trong xã hội.

Muốn vậy, phải tiếp tục rà soát một cách triệt để hệ thống luật pháp, chính sách hiện hành, sửa đổi bổ sung những điều còn bất cập, xây dựng mới những luật và chính sách còn thiếu. Đồng thời, phải tiến hành đánh giá một cách tổng thể và khách quan để xác định đúng những ngành hàng, mặt hàng,... mà Việt Nam có lợi thế và tập trung đầu tư phát triển. Về thu hút FDI, phải sớm có quy hoạch tổng thể “bài bản” và chấm dứt tình trạng dãi thảm đỏ, chuyển sang thời kỳ thu hút đầu tư có điều kiện để từ đó có chính sách phát triển một cách hiệu quả và bền vững.

### 2.4 Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và năng lực quản lý, kiểm tra, giám sát của Nhà nước trong

#### Tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Đức Bình - Hội nhập KTQT của Việt Nam: Những bất cập và giải pháp thúc đẩy. Tạp chí Kinh tế và phát triển. Số đặc san tháng 9/2006 -
2. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
3. Thể chế kinh tế của Nhà nước trong nền KTTT và hội nhập KTQT. NXB Chính trị quốc gia, Hà nội, 2010.
4. Đỗ Đức Bình - Độc lập tự chủ về kinh tế trong quá trình toàn cầu hoá và hội nhập KTQT. Tạp chí kinh tế và phát triển. Số 159 tháng 9/2010.
5. Vũ Văn Phúc - Giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập KTQT. Tạp chí hội nhập (UBQG về hợp tác KTQT). Số tháng 7/2011.

### nền KTTT và hội nhập KTQT của Việt Nam

Để hội nhập KTQT hiệu quả và phát triển bền vững ở Việt Nam, việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Muốn vậy, Việt Nam phải sớm xây dựng cho được một Nhà nước thực sự là Nhà nước Pháp quyền. Tức là, Nhà nước thực hiện việc quản lý, điều hành đất nước và nền kinh tế thị trường chủ yếu bằng luật pháp và các chính sách vĩ mô. Sự can thiệp của Nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc thị trường. Mọi sự kiểm tra, giám sát không gây ảnh hưởng, cản trở, ách tắc và sách nhiễu đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững trong môi trường quốc tế có nhiều biến động khó dự đoán. Muốn thực hiện các điều nêu trên, việc cải cách bộ máy Nhà nước, nhân lực trong bộ máy và thủ tục hành chính có vai trò quyết định.

### 2.5 Cần khẩn trương xây dựng chiến lược tổng thể và hội nhập KTQT gắn với yêu cầu phát triển bền vững với mục tiêu và lộ trình cụ thể cho từng giai đoạn, trước mắt là đến năm 2020

Không có chiến lược tổng thể về hội nhập KTQT thì khó có thể xây dựng các biện pháp hữu hiệu để vừa thực hiện tốt các cam kết quốc tế, vừa cải cách có hiệu quả bên trong cả về phía Nhà nước và doanh nghiệp, cải cách thể chế một cách hiệu quả. Cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa có chiến lược tổng thể này. Vì vậy, để đạt hiệu quả cao trong hội nhập và phát triển bền vững, cần xúc tiến xây dựng chiến lược tổng thể về hội nhập, trước mắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030,...

Trước mắt, cần xúc tiến các phiên đàm phán còn lại để sớm tham gia vào Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các hiệp định song phương và đa phương khác để tranh thủ thêm các cơ hội để phát triển bền vững quốc gia trong những năm tới. □